

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THỤY ANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 288/TB-UBND

Thụy Anh, ngày 28 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai Danh mục mức thu phí, lệ phí đối với thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;

Căn cứ Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

Căn cứ Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;

Ủy ban nhân dân xã Thụy Anh thông báo công khai Danh mục mức thu phí, lệ phí đối với thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai

Danh mục mức thu phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết, tiếp nhận tại cấp xã được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên và các văn bản pháp luật có liên quan.

Đối với các trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025, mức thu phí, lệ phí thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Danh mục chi tiết mức thu, đơn vị tính, đối tượng miễn, giảm và các nội dung liên quan được công khai kèm theo Thông báo này.

2. Tổ chức thực hiện

Cán bộ, công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Thụy Anh có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí đúng đối tượng, đúng mức thu và đúng quy định hiện hành.

Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Thông báo và Danh mục kèm theo được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của xã để tổ chức, cá nhân biết, thực hiện và giám sát.

Ủy ban nhân dân xã Thụy Anh thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã ;
- Các Phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, HCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiện

**BAN NHÂN DÂN
XÃ THUY ANH**

DANH MỤC M

PHI, LỆ PHI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TẠI CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

STT	Tên doanh nghiệp/thực thể khai sinh	Mức thu	Chi phí
I	Lệ Phí làm việc chung được		
1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp qua tin, tài liệu có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000 đồng/trang	Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang. Mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trường hợp cần để thu phải được tính theo trung của bản chính.
2	Thư xác minh thực chất về tình trạng các giấy tờ, tài liệu (tài liệu đang chờ xử lý) và chứng thực được điểm chỉ và trường hợp ngoại lệ (nếu chưa chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	10.000 đồng/trường hợp	Trường hợp được miễn là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản
3	Thư xác minh thực chất bản hòa thuận hoặc chia di sản mà đã sum lại dòng họ, người có dụng thư, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
4	Thư xác minh thực chất hợp đồng, giao dịch liên quan đến sự kiện đăng sin, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
5	Thư xác minh thực chất bản hòa thuận của cá nhân đã sum lại dòng họ, người có dụng thư, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
6	Thư xác minh thực chất việc xin đổi, bổ sung hộ khẩu gia đình, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
7	Thư xác sin hồ sơ xét trong hợp đồng, giao dịch	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
II	Lệ phí Lãnh vực Hộ tịch		Mức lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014 đối với những trường hợp đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc bộ ngành, người khuyết tật, đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giới họ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.
1	Thu lệ tiền thống TTHC và đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	15.000 đồng	
2	Khai sinh đơn giản	0 đồng	
3	Khai sinh (bao gồm đăng ký khai sinh không dùng hình, đăng ký tự khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đi có hộ sơ, giấy tờ cũ nhân)	10.000 đồng	
4	Khai tử đơn giản	0 đồng	
5	Khai tử (bao gồm đăng ký khai tử bằng đăng hình; đăng ký tự khai tử)	10.000 đồng	
6	Đăng ký kết hôn	0 đồng	
7	Đăng ký ly hôn	30.000 đồng	
8	Nhận cha, mẹ, con	20.000 đồng	
9	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	20.000 đồng	
10	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	20.000 đồng	
11	Đăng ký giám hộ	0 đồng	
12	Đăng ký chấm dứt giám hộ	0 đồng	
13	Đăng ký giám sát việc giám hộ	0 đồng	
14	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	0 đồng	
15	Xác nhận thông tin hộ tịch	8.000 đồng/văn bản	Văn bản xác nhận về nội vụ hộ tịch
16	Thu lệ mặt còn mẫu trong nước	400.000 đồng	
17	Cấp trích lục hộ tịch, bản sao giấy khai sinh (Phụ khai thác), sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch)	8.000 đồng/bản	
18	Khai sinh (bao gồm đăng ký khai sinh; đăng ký tự khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đi có hộ sơ, giấy tờ cũ nhân) có yếu tố nước ngoài	100.000 đồng	
19	Khai tử (bao gồm đăng ký khai tử; đăng ký tự khai tử) có yếu tố nước ngoài	100.000 đồng	
20	Kết hôn (bao gồm đăng ký kết hôn; đăng ký tự kết hôn) có yếu tố nước ngoài	1.500.000 đồng	
21	Nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.500.000 đồng	
22	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	60.000 đồng	
23	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	60.000 đồng	
24	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	30.000 đồng	
25	Ghi vào Sổ hộ tịch về hộ tịch của công dân Việt Nam đã được gửi quyết định cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	100.000 đồng	Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, bộ ngành, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng
III	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất		
1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu cho cá nhân, hộ gia đình	25.000 đồng/giấy chứng nhận	
2	Cấp giấy chứng nhận lần đầu cho Tổ chức cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	100.000 đồng/giấy chứng nhận	
3	Cấp đất, cấp H, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biên độ vào giấy chứng nhận đã cấp (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm) cho cá nhân, hộ gia đình	20.000 đồng/giấy chứng nhận	

[illegible]